

Bản án số: 01/2022/HNGĐ - PT

Ngày 12- 4 - 2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nam

Các Thẩm phán: Ông Hà Văn Chương.

Ông Hồ Thanh Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Kiều Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hữu Tình - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 03/2022/TLHNGĐ – PT ngày 10 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 11/2022/HNGĐ-ST, ngày 26/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2022/QĐ-PT, ngày 16 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Hà Phương L**, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Thôn T, xã Tr, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

2. *Bị đơn:* Anh **Dương Minh Đ**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Dương Minh Đ, sinh năm 1995.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hà Phương L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Minh Đ đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, không bị ai cưỡng ép, lừa dối kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục và có làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 02/8/2018 tại UBND xã Tr, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn

anh chị làm ăn và sinh sống cùng gia đình nhà chồng tại Thôn K, xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Đến tháng 9 năm 2018 thì chị sinh con, khi con chung được 15 tháng (khoảng tháng 3 năm 2020) thì chị đi làm công nhân ở Bắc Ninh nên nhờ bố mẹ chồng trông con, cứ định kỳ 04 ngày chị về thăm con 01 lần. Ngoài ra vào các ngày nghỉ, ngày Lễ hoặc khi gia đình có việc chị cũng thu xếp thời gian về thăm con. Sau đó khoảng mấy tháng thì anh Đ cũng đi làm công nhân ở Vĩnh Phúc. Thời gian đầu quan hệ vợ chồng vẫn bình thường nhưng đến khoảng tháng 6, tháng 7 năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Ban đầu là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống nhưng không hóa giải, tháo gỡ được dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm. Ngoài ra còn do anh Đ ghen tuông, xuất phát từ việc hiểu lầm chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác dẫn đến thiếu tin tưởng nhau, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mỗi lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, khúc mắc là anh Đ lại đánh chị, đuổi chị đi. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, rất nhiều lần anh Đ đánh đuổi chị cho đến tháng 11 năm 2020 thì lại xảy ra cãi vã, anh Đ tiếp tục đánh đuổi chị nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn T, xã Tr, huyện S sinh sống. Khi đi chị có ý định mang con đi cùng nhưng bố mẹ chồng và chồng chị giữ cháu không cho chị mang đi. Sau đó chị có nhiều lần về thăm con hoặc đón con nhưng đều bị chồng và gia đình chồng ngăn cản, cấm đoán. Anh chị cũng đã ly thân từ tháng 11 năm 2020 đến nay không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau nữa. Nhưng đến tháng 8 năm 2021 thì chị mới quay lại nhà chồng thu dọn đồ đạc và quyết định làm đơn ly hôn. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành, bố mẹ chồng chị chỉ bệnh con trai, thậm chí còn muốn cho vợ chồng anh chị ly hôn. Hiện tại chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn đã sâu sắc không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Minh Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có sinh được 01 con chung tên là Dương Anh N, sinh ngày 01/9/2018. Hiện cháu N đang ở cùng bố và ông bà nội. Do cháu còn nhỏ, mới được hơn 03 tuổi mà anh Đ thì không có công việc ổn định, chỉ phụ giúp bố mẹ làm ruộng, làm nương; hiện tại anh Đ đang ở chung bố mẹ đẻ (đã cao tuổi). Do vậy nên anh Đ không có thu nhập, không có nhà riêng. Bản thân chị hiện đang làm công nhân tại công ty VINA STAR chi nhánh Tuyên Quang (địa chỉ tại thôn R, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang) với mức lương ổn định là 5.000.000 đồng/tháng. Bản thân chị được bố mẹ đẻ tặng cho một diện tích đất có 01 căn nhà xây cấp 4 kiên cố. Hiện tại bố mẹ chị sống cùng chị tại căn nhà nêu trên thuộc Thôn T, xã Tr, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Bố mẹ chị đều đang trong độ tuổi lao động, ngoài làm ruộng thì gia đình chị còn chăn nuôi, trồng rừng và đi làm thuê kiếm thêm thu nhập. Do bố mẹ chị còn khỏe nên có thể chia sẻ việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N cùng chị. Như vậy, chị L xác định chị có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con chung nên chị đề nghị được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Dương Anh N, sinh ngày 01/9/2018 và không đề nghị anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Dương Minh Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ thừa nhận thời gian và điều kiện kết hôn như chị L đã trình bày. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống cùng gia đình anh tại Thôn K, xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Hai vợ chồng anh chị phụ giúp bố mẹ anh làm ruộng, nương. Cuộc sống chung của vợ chồng bình thường. Khi con chung được 11 tháng (khoảng tháng 8 năm 2019) thì anh đi làm công nhân ở Bắc Thăng Long - Hà Nội. Khoảng 02 - 03 tháng sau thì chị L cũng xuống làm cùng nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì chị L nói công việc vất vả, không chịu được nên không làm nữa nên anh cũng nghỉ làm luôn và về nghỉ Tết. Sau khi nghỉ Tết thì chị L đi làm công nhân ở Bắc Ninh, vài tháng sau thì anh cũng đi làm công nhân ở Honda Vĩnh Phúc. Do hai vợ chồng đi làm nên phải gửi con chung ở nhà cho bố mẹ anh nuôi dưỡng nên chị L có bàn bạc và nói hai vợ chồng thì phải có một người ở nhà trông con, còn một người đi làm; bản thân chị L có nguyện vọng đi làm nên thống nhất anh sẽ nghỉ làm công nhân về nhà phụ giúp bố mẹ anh làm ruộng, nương và trông con. Anh xác định từ khi anh không đi làm nữa thì vợ chồng bắt đầu hay phát sinh khúc mắc, cãi vã. Anh thấy chị L có biểu hiện khác, hay cáu kỉnh, mĩa mai chồng. Khoảng 02 tháng sau thì anh phát hiện vợ anh có nhắn tin cho người đàn ông khác, nội dung tin nhắn thì anh không nhớ chính xác nhưng cách xưng hô trong tin nhắn giữa chị L và người đàn ông đó là “vợ”, “chồng”, “anh yêu”, “em yêu” với nội dung tin nhắn thể hiện quan hệ trên mức bình thường. Anh có chụp lại màn hình tin nhắn sau đó báo cáo bố mẹ hai bên về việc này, hai bên gia đình và bản thân anh cũng khuyên bảo và để vợ chồng hóa giải mâu thuẫn, về chung sống với nhau nên anh đã xóa toàn bộ ảnh chụp màn hình nội dung tin nhắn giữa chị L và người đàn ông kia. Hiện tại anh không có bằng chứng gì về việc chị L ngoại tình. Từ sau khi có sự việc nêu trên thì chị L vẫn không thay đổi, sau đó anh còn phát hiện một lần nữa chị L bí mật nhắn tin với người khác. Từ đó thì quan hệ vợ chồng không được thuận hòa, hay xảy ra cãi vã. Từ khoảng trước tết năm 2020 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, chị L đi đâu anh không rõ, chỉ thỉnh thoảng có về thăm con, mâu thuẫn kéo dài đến khoảng tháng 8 năm 2021 thì chị L dọn hết đồ đi khỏi nhà anh. Vợ chồng anh chính thức ly thân từ khoảng tháng 5, tháng 6 năm 2021 không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau nữa. Sau đó thì chị L làm đơn ly hôn. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nhưng vì con chung còn nhỏ nên vẫn mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái. Trường hợp chị L kiên quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn với điều kiện anh phải được nuôi con.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung như chị L đã nêu ở trên. Như đã trình bày, anh đề nghị được nuôi con chung là cháu Dương Anh N vì từ nhỏ cháu đã sống với anh và ông bà nội, cháu rất quấn bố và quen với môi trường ở nhà ông bà nội. Anh không đề nghị chị L cấp dưỡng nuôi con. Bản thân anh hiện tại tuy không có công việc ổn định nhưng anh vẫn phụ giúp bố mẹ làm ruộng, nương, chăn nuôi và trông rừng, thu nhập của anh vào khoảng từ 15

triệu đến 20 triệu đồng/tháng. Bản thân anh ở chung với bố mẹ nhưng bố mẹ anh đã có nhà cửa kiên cố và trong tương lai cũng sẽ để lại cho anh vì anh ở chung cùng bố mẹ. Do vậy, điều kiện nuôi con của anh sẽ đảm bảo hơn chị L.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, hoà giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 11/2022/HNGĐ-ST ngày 26/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện S đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của chị Hà Phương L đối với anh Dương Minh Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Phương L được ly hôn với anh Dương Minh Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Anh N, sinh ngày 01/9/2018 cho chị Hà Phương L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Dương Minh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí vụ án và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/01/2022, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn anh Dương Minh Đ, kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 11/2022/HNGĐ-ST, ngày 26/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện S với nội dung: Anh Dương Minh Đ kháng cáo không nhất trí với một phần bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu Dương Anh N con chung của anh và chị L cho chị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục anh không đồng ý vì chị L có thu nhập thấp khoảng 5.000.000đ/tháng thì sẽ không đáp ứng được cuộc sống của hai mẹ con về lâu dài, chị L đi làm công nhân cũng sẽ không có thời gian chăm sóc con chu đáo. Về phần anh, anh ở chung với bố mẹ và thu nhập ổn định hơn (mỗi năm thu nhập từ trồng cây công nghiệp khoảng 214 triệu đồng và hàng tháng có thêm 7.000.000 đồng từ việc chăn nuôi và làm thêm bên ngoài). Như vậy xét về điều kiện anh sẽ có điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N hơn chị L. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm để anh được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Dương Anh N.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự không thỏa thuận được để giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Hai bên đều có nguyện vọng được nuôi con chung

và không yêu cầu cấp dưỡng. Bị đơn anh Dương Minh Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giao con chung là cháu Dương Anh N cho anh được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Nguyên đơn chị Hà Phương L không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh Dương Minh Đ, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn anh Dương Minh Đ là hợp lệ trong hạn luật định. Nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Dương Minh Đ: Nguyên vọng nuôi con của anh Đ là chính đáng, tuy nhiên việc giao con cho ai phải đảm bảo quyền và lợi ích cho cháu bé được trọn vẹn nhất. Cả hai bước đầu đều có thu nhập và nhà cửa ở cùng bố mẹ rộng rãi, cháu Dương Anh N sinh ngày 01/9/2018, hiện tại hơn 03 tuổi, cháu còn quá nhỏ, cần nhận được sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, có như vậy mới đảm bảo quyền lợi của cháu bé nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Đ.

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Dương Minh Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2022/HNGĐ-ST, ngày 26/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện S.

Về án phí phúc thẩm: Anh Dương Minh Đ phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn anh Dương Minh Đ là hợp lệ trong hạn luật định. Nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm, anh Dương Minh Đ nộp tạm ứng án phí đầy đủ nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Phương L và anh Dương Minh Đ kết hôn trên tinh thần tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 02/8/2018 tại UBND xã Tr, huyện S, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp. Về quan hệ hôn nhân cả hai anh chị không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên HĐXX không xem xét và có hiệu lực pháp luật theo quy định.

Về con chung: Xét về kháng cáo dành quyền nuôi con chung của anh Dương Minh Đ, HĐXX xác định anh Dương Minh Đ và chị Hà Phương L có 01 con chung là cháu Dương Anh N, sinh ngày 01/9/2018.

Xét về điều kiện nuôi con: Chị Hà Phương L là công nhân tại công ty VINA STAR chi nhánh Tuyên Quang (địa chỉ tại thôn R, xã P, huyện S, tỉnh

Tuyên Quang) với mức lương ổn định là 5.000.000 đồng/tháng. Chị là người có công việc ổn định, mức lương so với bình quân thu nhập của nhân dân tại xã Tr thuộc dạng trung bình khá, ngoài ra chị còn được bố mẹ đẻ tặng nhà đất và bố mẹ đẻ chị sống chung trong ngôi nhà đó. Ông bà vẫn khỏe mạnh, làm việc và sẵn sàng giúp chị chăm sóc con cái. Về phía anh Dương Minh Đ, theo lời khai và qua xác minh anh Đ có nghề nghiệp chính là làm ruộng, ngoài ra còn giúp bố mẹ ở nhà chăn nuôi và trồng rừng. Anh Đ sống chung cùng bố mẹ đẻ và bố mẹ anh cũng sẵn sàng giúp anh chăm sóc con cái. Qua xác minh tại địa phương xác định được mức thu nhập bình quân của người nông dân trên địa bàn xã L xác định được là 2.400.000đ/tháng. So với mức thu nhập của chị L thì thấy rằng chị L có mức thu nhập ổn định và cao hơn.

Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của anh chị là hoàn toàn chính đáng, tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo được môi trường và điều kiện phát triển tốt nhất cho con chung. Cháu Dương Anh N hiện nay chỉ hơn 03 tuổi, cháu còn nhỏ và rất cần sự chăm sóc và dạy dỗ của người mẹ. Việc Tòa cấp sơ thẩm giao con cho chị Hà Phương L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hợp lý, phù hợp với quy định pháp luật và đảm bảo được quyền lợi tốt nhất của con chung sau ly hôn.

Tại cấp phúc thẩm, anh Đ không có tài liệu, chứng cứ nộp bổ sung so với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập tại giai đoạn giải quyết sơ thẩm. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Đ, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau này anh Đ có quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu thay đổi quyền nuôi con sau khi ly hôn khi có căn cứ chứng minh rằng chị L không có đủ khả năng nuôi con theo quy định tại điều 84 Luật Hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Dương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Dương Minh Đ không được chấp nhận nên anh Đ phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Dương Minh Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2022/HNGĐ-ST, ngày 26/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện S như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Phương L được ly hôn với anh Dương Minh Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Anh N, sinh ngày 01/9/2018 cho chị Hà Phương L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Dương Minh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm: Anh Dương Minh Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001923 ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 12/4/2022).

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Nam

